

Bản án số: 129/2021/DS-PT

Ngày: 05 - 7 - 2021

V/v “Tranh chấp quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Hải Hà

Ông Ninh Quang Thế

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thanh Khuyên là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:

Bà Lê Thị Màu - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 02 và 05 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 94/2021/TLPT-DS ngày 06 tháng 05 năm 2021 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 42/2021/DS-ST ngày 25/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 99/2021/QĐXX-PT ngày 14 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1973

Địa chỉ: Ấp C, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Dương Công Linh, sinh năm 1983, địa chỉ: Số 1, Tô Hiến T, Phường 5H, thành phố C, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Minh Đ1, sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Hồ Thị L, sinh năm 1953 (xin vắng).

Địa chỉ: Ấp C, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

2. Chị Nguyễn Thị Hồng M1, sinh năm: 1976 (vắng).

Địa chỉ: Ấp C, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

3. Chị Nguyễn Thị Tố M, sinh năm 1989 (vắng).

Địa chỉ: Ấp C, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

4. Chị Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1970 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

5. Chị Nguyễn Ngọc A (vắng).

Địa chỉ: Ấp C, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

6. Chị Nguyễn Hồng H, sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

7. Anh Nguyễn Tấn T, sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

8. Ông Nguyễn Văn X, 59 tuổi (vắng).

Địa chỉ: Ấp C, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

9. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1968 (vắng).

Địa chỉ: Ấp C, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Minh Đ, là nguyên đơn; bà Nguyễn Hồng H, bà Nguyễn Ngọc D, bà Hồ Thị L, ông Nguyễn Tấn T, là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Ông Nguyễn Văn Đ và bà Hồ Thị L có 06 người con là Nguyễn Minh Đ1, Nguyễn Minh Đ, Nguyễn Tấn T, Nguyễn Ngọc D, Nguyễn Ngọc A và Nguyễn Hồng H.

Vợ chồng ông Đ và bà L có phần đất 22.456m² do ông Nguyễn Văn Đ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 06/4/1991. Năm 1991, ông Đ chết không để lại di chúc. Đến năm 1998, bà L tặng cho phần đất cho các con là T, H, D, Đ1 và Đ. Anh Đ được tặng cho với tổng diện tích là 1.348,5m² trong đó bao gồm: Phần đất vườn có mặt tiền ngang 22m, ngang mặt hậu là 15m, diện tích là 592.5m²; phần đất nuôi tôm L kề phần đất vườn có chiều ngang là 21m, chiều dài là 36m, diện tích là 756m². Thời điểm tặng cho đất không có lập thành văn bản nhưng có bà L và các con chứng kiến, xác nhận.

Để cho thuận tiện, anh Đ để cho anh Đ1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đến năm 2003, anh Đ1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với tổng diện tích là 9.999m², bao gồm cả diện tích 1.348,5m² mà anh Đ được tặng cho. Vợ chồng anh Đ có cất nhà ở từ năm 1998 đến năm 2014, do hoàn cảnh khó khăn nên vợ chồng anh Đ đã tháo dỡ nhà để đi làm ăn xa. Đến năm 2019, trở về thì phát hiện anh Đ1 đã cho cha mẹ vợ là ông X và bà M cất nhà.

Tại buổi hòa giải ở Ấp C, xã H, thành phố C, anh Đ1 đồng ý trả lại đất cho anh Đ, nhưng sau đó anh Đ1 mượn lại biên bản hòa giải này và hủy bỏ. Anh Đ1 thừa nhận phần đất tranh chấp là của anh Đ, yêu cầu anh Đ sang lại cho anh Đ1 với

giá 50.000.000 đồng nhưng anh Đ không đồng ý với giá này nên anh Đ1 không đồng ý trả lại đất.

Nay anh Đ có các yêu cầu: Điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho Nguyễn Minh Đ1 đối với diện tích 1.082,9m². Buộc anh Đ1 trả cho anh Đ phần đất theo đo đạc thực tế có diện tích 1.082,9m² tại Ấp C, xã H, thành phố C thuộc thửa số 200, 207, tờ bản đồ số 6, có vị trí tứ cận như sau:

- Phía Đông giáp phần đất của anh Nguyễn Minh Đ1;
- Phía Tây giáp lộ xi măng;
- Phía Nam giáp phần đất còn lại của anh Nguyễn Minh Đ1;
- Phía Bắc giáp phần đất của ông Nguyễn Văn Hùng.

Và buộc ông X và bà M tháo dỡ, di dời nhà và các công trình kiến trúc trên đất để trả lại đất nêu trên cho anh Đ.

- Bị đơn anh Nguyễn Minh Đ1 trình bày:

Phần đất mà nguyên đơn yêu cầu thuộc một phần thửa đất số 315, tờ bản đồ số 10, được Ủy ban nhân dân thành phố C cấp cho anh Đ1 đứng tên vào ngày 06/6/2003 với diện tích 9.999m²; phần đất tranh chấp theo đo đạc thực tế có diện tích 1.082,9m² tại Ấp C, xã H, thành phố C thuộc thửa số 200, 207, tờ bản đồ số 6 (chỉnh lý năm 2009).

Nguồn gốc đất: Năm 1991, ông Đ chết không để lại di chúc. Sau đó, hợp lại chia đất cho các anh chị em trong gia đình, anh cũng được chia 9.999m². Sau khi chia, mẹ anh là bà Hồ Thị L trực tiếp đi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các anh chị em của anh, trong đó có anh. Vợ chồng anh quản lý sử dụng phần đất được tặng cho cho đến năm 2019 thì anh cho cha mẹ vợ là ông Nguyễn Văn X và bà Nguyễn Thị M thuê toàn bộ diện tích đất với giá là 6.000.000đ/năm, thời hạn thuê 03 năm, việc thuê không lập văn bản, chỉ nói miệng. Xóm giềng biết anh Đ ở trên đất đó chứ không biết việc cho đất và giấy tờ cho.

Vào năm 2018, anh Đ1 đồng ý cho anh Đ ngang 05 tầm ở cặp nhà và Đ đồng ý sang lại cho anh với giá 50.000.000đ, sau đó anh Đ đổi ý bán với giá thị trường, anh Đ1 không đồng ý mua, nên Đ đòi bán cho người khác từ đó Đ1 không cho Đ phần đất. Tại buổi hòa giải ở ấp Cái Su anh thừa nhận có cho anh Đ mấy tầm đất nền nhà, sau đó anh có nhận lại biên bản để đọc nhưng do để trong túi áo, bị sơ suất nên đã làm rách nát, hiện nay không còn.

Phần đất mà nguyên đơn yêu cầu là do anh Đ1 được tặng cho hợp pháp, năm 2003 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên Đ1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Tố M trình bày:

Chị thống nhất với ý kiến và trình bày của anh Nguyễn Minh Đ1, không thống nhất yêu cầu của nguyên đơn.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị L trình bày:

Chồng bà là ông Nguyễn Văn Đ chết năm 1991 không có để lại di chúc. Vào năm 1998, bà đứng ra chia đất cho các con, trong đó, cho anh Đ1 hơn 06 công đất diện tích khoảng 8.561m², vị trí phía sau phần đất của anh Đ; cho anh Đ phần đất diện tích 1.348,5m². Thời điểm cho đất thì anh Đ và anh Đ1 đều chưa lập gia đình ở chung với bà.

Sau khi phân chia đất, chính bà là người đi làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các con, để thuận tiện và nghĩ là anh em không có tranh chấp nên bà làm cả 02 phần đất của anh Đ và anh Đ1 chung một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do anh Đ1 đứng tên. Bà cũng đồng ý yêu cầu khởi kiện của anh Đ về việc yêu cầu anh Đ1 trả đất cho anh Đ, bà không có yêu cầu gì khác trong vụ án này.

Do điều kiện sức khỏe yếu nên bà xin được vắng mặt tại các phiên họp, hòa giải, các phiên tòa xét xử và các giai đoạn tố tụng khác tại Tòa án.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị D, Nguyễn Tấn T và Nguyễn Hồng H trình bày:

Lời trình bày của nguyên đơn Nguyễn Minh Đ là đúng và đồng ý với trình bày của nguyên đơn. Biết việc đất của anh Đ do anh Đ1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, yêu cầu Đ1 trả lại cho Đ phần diện tích đất theo đo đạc thực tế là 1.082,9m².

Năm 1998, gia đình anh có họp mặt đầy đủ các anh chị em ruột trong nhà để bà L phân chia đất cho các con, việc họp và phân chia đất chỉ nói miệng, không có văn bản giấy tờ. Đến năm 2003, bà L đi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 03 anh em là Đ, Đ1 và T. Biên bản họp gia đình ngày 25/02/2003 là do mẹ anh làm để hợp thức hóa việc cấp giấy, sau khi được cấp giấy, các anh chị em đều biết. Theo đó, 01 nền nhà của chị D nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh Đ, còn phần đất nền nhà của anh Đ nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh Đ1. Quá trình sử dụng đất, anh T đã sang nhượng hết phần đất này cho người khác. Khoảng tháng 07 năm 2018, tại buổi hòa giải ở địa phương, anh Đ1 đồng ý cho đo đạc để trả đất lại cho anh Đ, việc này có lập biên bản xác nhận, tuy nhiên sau đó anh Đ1 mượn biên bản đọc lại và tự ý hủy bỏ biên bản, không trả lại.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Hồng M trình bày:

Phần đất tranh chấp là T sản của cha mẹ chồng cho riêng chồng chị là anh Nguyễn Minh Đ, trước khi anh Đ cưới chị. Thời điểm năm 2007, khi chị về chung sống với anh Đ thì anh Đ đã cất nhà ở trên đất, khung sườn cây gỗ địa phương, vách lá, lợp lá cho đến năm 2014 khi vợ chồng chị đi làm ở Tây Ninh bỏ nhà thời gian lâu nên bị sập. Đến năm 2018, thì anh Đ1 cho ông X cất nhà ở cho đến nay. Chị xác định phần đất tranh chấp là T sản riêng của anh Đ, chị yêu cầu anh Đ1 trả lại phần đất cho anh Đ, chị không có yêu cầu gì khác trong vụ án này. Do điều kiện sức khỏe yếu nên chị xin được vắng mặt tại các phiên họp, hòa giải, các phiên tòa xét xử và các giai đoạn tố tụng khác tại Tòa án.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M trình bày:

Vào năm 2018, ông bà có thuê nhà và đất của anh Đ1 và chị M giá 6.000.000đ/năm, việc thuê đất thỏa thuận miệng, không làm hợp đồng. Nay giữa anh Đới với anh Đ1 tranh chấp quyền sử dụng đất, ông bà không có yêu cầu gì trong vụ án này mà tự thỏa thuận với anh Đ1 và chị M. Sau này có tranh chấp về việc thuê đất thì ông bà sẽ khởi kiện bằng vụ án khác. Do bận công việc, đi lại khó khăn nên ông X và bà M xin vắng mặt trong các lần hòa giải, xét xử.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 42/2021/DS-ST ngày 25/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố C đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 26, 39, 147, 157, 158, 165, 166, 227, 228, 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 163, 166 Bộ luật dân sự; Điều 203 Luật đất đai;

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Minh Đ về việc:

Yêu cầu anh Nguyễn Minh Đ1 trả cho anh Nguyễn Minh Đ phần đất theo đo đạc thực tế có diện tích 1.082,9m² tọa lạc tại Ấp C, xã H, thành phố C thuộc thửa số 200 và 207, tờ bản đồ số 6 theo đo đạc chính lý năm 2009;

Yêu cầu ông Nguyễn Văn X và bà Nguyễn Thị M tháo dỡ, di dời nhà và các công trình kiến trúc trên đất để trả lại đất nêu trên cho anh Đ.

Yêu cầu điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho anh Nguyễn Minh Đ1 đối với diện tích 1.082,9m² tọa lạc tại Ấp C, xã H, thành phố C.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 06 và ngày 07 tháng 4 năm 2021 nguyên đơn Nguyễn Minh Đ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Tấn T, Nguyễn Hồng H, Nguyễn Ngọc D, Hồ Thị L có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm cùng có nội dung yêu cầu cấp phúc xét xử theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc Nguyễn Minh Đ1 trả lại phần đất theo đo đạc thực tế có diện tích 1.082,9m², buộc ông Nguyễn Văn X và bà Nguyễn Thị M tháo dỡ, di dời nhà và các công trình kiến trúc trên đất để trả lại đất cho nguyên đơn; huỷ một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Nguyễn Minh Đ1 đối với diện tích 1.082,9m².

Tại phiên tòa:

Đại diện nguyên đơn trình bày: giữ nguyên nội dung kháng cáo, theo hướng chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn, sửa án sơ thẩm. Căn cứ kháng cáo: Bà L cho nguyên đơn phần đất theo đo đạc thực tế là 1.082,9m², vì là anh em ruột để thuận tiện nên một người đứng tên, trên thực tế nguyên đơn cất nhà ở từ năm 1998, đến năm 2003 mới cấp giấy chứng nhận QSD đất; tất cả anh em ruột, chú ruột và những nhân chứng sống lâu năm tại địa phương đều xác nhận đất tranh chấp bà L cho anh Đ; tại phiên tòa sơ thẩm anh Đ1 khai đất là của anh Đ.

Nguyễn Tấn T, Nguyễn Hồng H và Nguyễn Ngọc D: giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đồng ý với ý kiến của đại diện nguyên đơn.

Bị đơn trình bày: Đất được tặng cho và bị đơn được cấp giấy chứng nhận QSD đất, nên không đồng ý trả lại theo yêu cầu của nguyên đơn. Trước đây khi chưa tranh chấp có hứa cho nguyên đơn ngang 05 tầm (15m), dài 36m, hiện tại đã mâu thuẫn nên không cho; biên bản của áp lập không có nội dung bị đơn đồng ý trả đất cho nguyên đơn và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn cũng không trình bày đất tranh chấp là đất của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Áp dụng 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bản án sơ thẩm tuyên xử, không chấp nhận toàn bộ nội dung khởi kiện của anh Nguyễn Minh Đ về việc yêu cầu anh Nguyễn Minh Đ1 trả cho anh Đ phần đất theo đo đạc thực tế có diện tích 1.082,9m² tọa lạc tại Ấp C, xã H, thành phố C thuộc thửa số 200 và 207, tờ bản đồ số 6 theo đo đạc chính lý năm 2009; Nguyễn Minh Đ, Nguyễn Tấn T, Nguyễn Hồng H, Nguyễn Ngọc D, Hồ Thị L có đơn kháng cáo, yêu cầu cấp phúc xét xử theo hướng chấp nhận toàn bộ nội dung khởi kiện của nguyên đơn.

[2] Xem xét kháng cáo của bị đơn Nguyễn Minh Đ và những người có quyền lợi liên quan Nguyễn Tấn T, Nguyễn Hồng H, Nguyễn Ngọc D, Hồ Thị L (bà L là mẹ của anh Đ, anh Đ1, T, H, D) có cùng nội dung.

Qua xem xét toàn diện chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa phúc thẩm, thể hiện: Nguyên đơn, anh Đ và bà Hồ Thị L cùng các anh chị em ruột trình bày: Năm 1991, ông Nguyễn Văn Đ chết (ông Đ là chồng bà L), năm 2003 bà L chia đất cho các con trong đó có anh T, anh Đ và Đ1. Phần diện tích đất tranh chấp 1.082,9m² bà L cho anh Đ nhưng để anh Đ1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; phía anh Đ1 không đồng ý với ý kiến này và xác nhận 1.082,9m² được mẹ chia cho, còn đất của Đ được chia thì Đ đã sang bán cho người khác. Lời trình bày của bị đơn Đ1 được chứng minh ở các chứng cứ như sau:

Tại biên bản họp gia đình ngày 25/02/2003 thành phần tham dự và ký tên gồm có bà L, ông Nguyễn Trường Giang ghi biên bản là chú ruột của Đ, Đ1 và có 06 người con ruột thể hiện nội dung: chia cho T diện tích đất 15.640m²; chia cho Đ 3.521m² và chia cho Đ1 9.999m²; trên cơ sở văn bản này thì chính bà L là người trực tiếp đi làm thủ tục xin cấp quyền sử dụng đất cho các con, ngày 06/6/2003 Ủy ban nhân dân thành phố C cấp quyền sử dụng đất cho ba người T, Đ và Đ1 đúng với diện tích được cho. Về việc bà L trình bày tại thời điểm xin cấp giấy thì anh Đ và Đ1 ở chung nhà, để tiện cho các con nên bà L để cho Đ1 đứng tên dù Đ phần đất đang tranh chấp, với lời trình bày này của bà L là không phù hợp với thực tế bởi vì cùng thời điểm chính bà L trực tiếp đi đăng ký để xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Nguyễn Minh Đ đứng tên 3.521m² đất thì tại sao bà không

xin cấp QSD 1.082,9m² đất cho anh Đ mà phải nhờ bị đơn Đ1 đứng tên. Lời trình bày của bà L chỉ vì thuận tiện nên bà để Đ1 đứng tên cho Đ là không có căn cứ pháp lý, bản thân anh Đ cũng được tặng cho đất và được đứng tên QSD đất và khi đi làm ăn xa thì anh Đ đã sang bán phần đất của mình; anh T được cho nhiều đất và cũng đã sang bán.

Đại diện nguyên đơn trình bày, tại phiên tòa sơ thẩm và tại biên bản của áp thì bị đơn Đ1 thừa nhận đất tranh chấp thuộc về nguyên đơn nhưng bị đơn không thừa nhận có sự kiện này. Qua xem xét biên bản phiên tòa sơ thẩm thì đại diện nguyên đơn yêu cầu bổ sung nội dung “*Tôi thừa nhận phần đất tranh chấp là phần đất của ông Đ, tôi không đồng ý trả vì trước đây ông Đ hứa bán cho tôi, giờ ông Đ không hứa bán nên tôi không chịu trả*”, nội dung này do chính đại diện của nguyên đơn yêu cầu ghi chứ không phải bị đơn Đ1 thừa nhận; hiện tại biên bản hòa giải áp lập cũng không còn. Với những ý kiến của phía nguyên đơn đưa ra không có căn cứ pháp lý để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện.

Với căn cứ phân tích trên và án sơ thẩm đã nhận định và quyết định thì phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của bị đơn Nguyễn Minh Đ1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2003 là có căn cứ. Khi anh em hòa thuận thì bị đơn Đ1 hứa tặng cho nguyên đơn Đ QSD đất, nhưng khi xảy ra mâu thuẫn thì anh Đ1 không đồng ý tặng cho, Hội đồng xét xử không thể buộc anh Đ1 thực hiện lời hứa, bởi vì tặng cho quyền sử dụng đất bắt buộc phải tuân thủ về mặt hình thức và những quy định về tính có hiệu lực của tặng cho QSD đất.

[3] Từ nhận định trên, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 42/2021/DS-ST ngày 25/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố C.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa được chấp nhận.

[5] Án phí phúc thẩm đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Minh Đ và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Tấn T, Nguyễn Hồng H, Nguyễn Ngọc D và Hồ Thị L; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 42/2021/DS-ST ngày 25/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

Căn cứ vào các Điều 26, 39, 147, 157, 158, 165, 166, 227, 228, 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 163, 166 Bộ luật dân sự; Điều 203 Luật đất đai;

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Minh Đ về việc:

- Yêu cầu anh Nguyễn Minh Đ1 trả cho anh Nguyễn Minh Đ phần đất theo đo đạc thực tế có diện tích 1.082,9m² tọa lạc tại Ấp C, xã H, thành phố C thuộc thửa số 200 và 207, tờ bản đồ số 6 theo đo đạc chính lý năm 2009.

- Yêu cầu ông Nguyễn Văn X và bà Nguyễn Thị M tháo dỡ, di dời nhà và các công trình kiến trúc trên đất để trả lại đất nêu trên cho anh Đ.

- Điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho anh Nguyễn Minh Đ1 đối với diện tích 1.082,9m² tọa lạc tại Ấp C, xã H, thành phố C.

2- Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng

Anh Nguyễn Minh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp quyền sử dụng đất số tiền 300.000 đồng. Anh Đ đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm số tiền 1.011.000 đồng theo biên lai số 0002238 ngày 31/7/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố C, được đối trừ, anh Đ được nhận lại 711.000 đồng khi án có hiệu lực.

Anh Đ còn phải chịu chi phí xem xét, đo đạc, thẩm định tại chỗ thực tế số tiền 5.107.000 đồng và tiền thẩm định giá là 2.200.000 đồng. Anh Đ đã nộp đủ.

3- Án phí dân sự phúc thẩm

Nguyễn Minh Đ, Nguyễn Tấn T, Nguyễn Hồng H và Nguyễn Ngọc D mỗi người phải chịu 300.000 đồng, mỗi người đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C cùng ngày 07/4/2021 được chuyển thu. Nguyễn Minh Đ nộp tại biên lai số 0000534; Nguyễn Tấn T nộp tại biên lai số 0000535, Nguyễn Hồng H (biên lai thể hiện Nguyễn Thị H) nộp tại biên lai số 0000533 và Nguyễn Ngọc D (biên lai thể hiện Nguyễn Thị D) số biên lai 0000532.

Bà Hồ Thị L là người cao tuổi nên được miễn.

4- Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

5- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân thành phố C;
- Chi cục THADS thành phố C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu VT(TM:TANDTCM).

Nguyễn Thị Hiền

